TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 638/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 9 - 2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Quang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Tuấn.

Ông Đoàn Văn Hiển.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Dương Thảo Vy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 408/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 605/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 657/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Tiểu T, sinh năm 1993; cư trú tại: Tổ 25, ấp BH, xã BL, huyện C, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Bùi Hữu T1, sinh năm 1993; cư trú tại: Khóm BH, thị trấn CD, huyện C, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/6/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tiểu T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông T1 tự nguyện chung sống với nhau vào ngày 17/02/2016 và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn CD. Trong thời gian chung sống cả hai thường xảy ra tranh cãi, không thể hàn gắn, hiện đã sống ly thân từ tháng 02/2024. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn

nhân không đạt được, hôn nhân lâm vào trầm trọng nên bà T yêu cầu ly hôn với ông T1.

- Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Bùi Tấn P, sinh ngày 15/3/2020 hiện ông T1 đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các văn bản tố tụng khác nhưng bị đơn ông Bùi Hữu T1 vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến về vụ án.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tiểu T có đơn xin xét xử vắng mặt và trong đơn bà còn trình bày về việc giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn; riêng về con chung bà T đồng ý giao cho ông T1 tiếp tục nuôi dưỡng, bà T không cấp dưỡng cho con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T, cho bà T ly hôn với ông T1.

- Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung tên Bùi Tấn P, sinh ngày 15/3/2020 cho ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng: Ông T1 không yêu cầu bà T cấp dưỡng cho con chung nên không đề nghị xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn cư trú tại huyện C, tỉnh An Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú thụ lý giải quyết là đúng với quy định pháp luật.

[1.2] Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông T1 xác lập hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn CD theo giấy chứng nhận kết hôn số 16 ngày 17/02/2016. Do đó, hôn nhân của ông bà là hợp pháp nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 9 và Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và phải có nghĩa vụ chung sống với nhau. Tuy nhiên, bà T và ông T1 đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; cả hai đã sống ly thân từ tháng 02/2024 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để ông bà đoàn tụ nhưng bà T cương quyết ly hôn, ông T1 vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến. Qua đó, cho thấy ông T1 không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình, hôn nhân của ông bà đã lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[2.3] Về con chung: Khi ly hôn bà T đồng ý để ông T1 tiếp tục nuôi dưỡng, ông T1 không có ý kiến. Xét thấy, ông T1 đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung, do đó để ổn định về tâm lý cũng như ổn định về môi trường sống, nơi ở, đảm bảo sự phát triển bình thường của con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung tên Bùi Tấn P cho ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng

[2.4] Về cấp dưỡng: Ông T1 không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu bà T cấp dưỡng cho con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự: Bà T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật. Ông T1 không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9; Điều 19; Điều 51; Điều 56; Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tiểu T đối với ông Bùi Hữu T1.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tiểu T được ly hôn với ông Bùi Hữu T1.

- Về con chung: Ông Bùi Hữu T1 được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Bùi Tấn P, sinh ngày 15/3/2020.

- Về cấp dưỡng: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

+ Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí dân sự: Bà Nguyễn Thị Tiểu T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005815 ngày 24 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- CCTHADS huyện Châu Phú;
- UBND TT.CD;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Quang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Tuấn **Đoàn Văn Hiển** **Trần Văn Quang**